| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2018/HC-ST

Ngày: 05/01/2018

V/v khiếu kiện Hành vi hành chính.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khóa.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 78/2017/TLST-HC ngày 09/6/2017 về việc khiếu kiện hành vi hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/QĐXXST-HC ngày 05/12/2017 giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Đặng Huy N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1961. Địa chỉ : Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017).

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Bùi Văn T - Chức vụ : Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Tiến K - Chức vụ : Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị Đ , sinh năm 1961.

2. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1963.

3. Bà Đặng Thị O, sinh năm 1965.

4. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1968.

5. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1970.

6. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1972.

7. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1974.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

8. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1965.

Địa chỉ : phường B, thành phố H, tỉnh N.

*Người được bà Đ, bà M, bà O, bà C, bà Y, bà N, bà H, bà S ủy quyền*: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1961. Địa chỉ : Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2017).

9. Ông Đặng Đức L.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Ông H có mặt tại phiên tòa. Các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện- Ông Đặng Huy N và người đại diện theo ủy quyền của ông N -Ông Nguyễn Trung H trình bày:*

Cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T có 09 người con là ông Đặng Huy N, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị H. Cụ T mất ngày 23/6/2009, cụ K mất ngày 19/6/1991, tài sản hai cụ để lại là 360 m2 đất ở tại thửa số 97 và 68 m2 đất ao tại thửa số 96, tờ bản đồ số 01. Ngày 26/6/2002 Ủy ban nhân dân huyện N (Viết tắt là UBND) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 241403 mang tên cụ Hoàng Thị T. Năm 2008 gia đình ông N mới nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị tẩy xóa về diện tích cũng như hình thể của thửa đất. Ngày

14/11/2012, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 2605/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Hoàng Thị T. Không đồng ý với quyết định thu hồi trên gia đình ông đã nhiều lần có đơn đề nghị UBND huyện N cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông theo đúng với kích thước và hình thể như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đến nay UBND huyện N vẫn chưa cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Do vậy ông N đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết Buộc UBND huyện N phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T, gồm 360 m2 đất ở và 68 m2 ao theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 241403 đã được UBND huyện N cấp ngày 26/6/2002.

Căn cứ người khởi kiện đưa ra là: Theo bản đồ đo vẽ năm 1996 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ T thể hiện, cụ T được quyền quản lý và sử dụng hai thửa, thửa số 97 có diện tích 360 m2 và thửa số 96 diện tích 68 m2 ao, song giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị cán bộ địa chính tự ý tẩy xóa.

*Người bị kiện UBND huyện N, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến K trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện N đã nhận được đơn tố cáo của ông Nguyễn Trung H với nội dung liên quan đến việc cán bộ tự ý sửa chữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V241403 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01 do UBND huyện N cấp cho cụ Hoàng Thị T ngày 26/6/2002. Xử lý, giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung H, Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 và Quyết định số 3618/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 về việc xử lý qua thanh tra xác minh đơn tố cáo của ông Nguyễn Trung H.

Không nhất trí với các Quyết định nêu trên, ông Đặng Huy N và ông Nguyễn Trung H đã có đơn tố cáo gửi Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Ngày 28/8/2012 Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1953/QĐ-UBND trả lời đơn tố cáo của các ông Nguyễn Trung H, Đặng Huy N (kèm theo là kết luận số 466/KL-TNMT ngày 08/8/2012 của Giám đốc sở tài nguyên và môi trường).

Thực hiện các Quyết định và Kết luận nêu trên, ngày 14/11/2012 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 2605/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N đã cấp cho hộ cụ Hoàng Thị T vì chưa đúng diện tích và chủ sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, bản đồ 299, đồng thời xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ T có cả phần diện tích đất của hộ gia đình ông Đặng Đức L. Kết luận còn có nội dung giao cho Chủ tịch UBND huyện N có trách nhiệm chỉ đạo, rà soát, tính toán lại diện tích

đất hợp pháp của hộ cụ Hoàng Thị T và hộ ông Đặng Đức L, trên cơ sở tôn trọng mốc giới đã sử dụng giữa các bên để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Đức L và cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ T. Giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân xã C làm việc, hướng dẫn ông L và các con của cụ T thực hiện các quy trình, thủ tục lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định. Nay, ông Đặng Huy N có đơn khởi kiện đối với hành vi hành chính về việc UBND huyện N không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T, UBND huyện không đồng ý, bởi lẽ: Trên thực tế, gia đình ông N chưa nộp hồ sơ để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện mới nhận được đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông N. Gia đình ông N đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T, cụ K, tuy nhiên cụ T, cụ K đã chết nên không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đã chết mà chỉ có thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ T. Mặt khác, do gia đình ông N đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm phần diện tích đất ao của gia đình ông L (được xác định tại Kết luận thanh tra huyện) do vậy không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp.

Những người có quyền lợi liên quan: bà *bà Đ, bà M, bà O, bà C, bà Y, bà N, bà H, bà S* có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N, đồng thời ủy quyền cho ông Nguyễn Trung H tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án.

Ông Đặng Đức L có quan điểm: Nguồn gốc diện tích đất ao đang tranh chấp là do bố mẹ ông để lại cho ông. Ông là người trực tiếp quan lý và sử dụng từ năm 1984 cho đến nay. Phần ao này chưa bao giờ gia đình cụ T cũng như ông N quản lý, sử dụng. Năm 2002 UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình cụ T nhưng bị cấp nhầm cả phần ao mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng. Sau đó ông N là người phát hiện ra và đã nói với ông, đồng thời đề nghị tách thửa ao cho gia đình ông. Ông N cũng đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cán bộ địa chính xã điều chỉnh để tách riêng phần ao trả lại cho ông. Hiện tại ông đã có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích ao này.

Tại phiên toà ông Nguyễn Trung H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

*Về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính. Tại phiên toà, Hội đồng

xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

*Về hướng giải quyết vụ án:* Ông N khởi kiện buộc UBND huyện N cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 360 m2 đất ở và 68 m2 ao cho cụ K và cụ T là trái với quy định của Luật đất đai, vì cụ T và cụ K đều đã chết. Bên cạnh đó kết quả xác minh cho thấy diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ T không đúng với diện tích đất thực tế mà của cụ T và cụ K được hưởng. Cụ thể trong 360 m2 đất ở có 1 phần diện tích đất của ông Đặng Đức L. Đối với 68 m2 ao là do UBND xã C quản lý, không phải ao của cụ K, cụ T nên không thể cấp cho cụ T và cụ K. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện ông N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ, bà M, bà O, bà C, bà Y, bà N, bà H, bà S vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho Ông H tham gia và quyết định các vấn đề trong vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Tiến K vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L vắng mặt những đã có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại tất cả các giai đoạn tố tụng. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/8/2016 ông Đặng Huy N và ông Nguyễn Trung H có đơn đề nghị UBND huyện N cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 97, diện tích 360 m2 và thửa đất số 96, diện tích 68 m2 cho hộ gia đình cụ Hoàng Thị T. Ngày 4/11/2016 UBND huyện N đã có văn bản số 582/UBND-TNMT trả lời đơn của Ông H và ông N. Ngày 14/4/2017 ông N có đơn khởi kiện tại Tòa án. Do vậy căn cứ điều 116 luật tố tụng hành chính xác định ông N khởi kiện trong thời hạn luật định.

[3] Về nội dung: Ông N khởi kiện cho rằng UBND huyện N thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ K và cụ T là không đúng, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết Buộc UBND huyện N phải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T.

[4] Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho cụ Hoàng Thị T và trích lục bản đồ đo vẽ

năm 1996 thể hiện thửa đất số 97, TBĐ số 01, diện tích 360 m2 đứng tên cụ Hoàng Thị T. Nằm sát thửa đất số 97 còn có thửa số 96, diện tích 68 m2 ao. Phần thông tin của thửa số 96 được ghi trong thửa số 97. Tuy nhiên diện tích cũng như hình thể của thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ T đã có sự sửa chữa.

[5] Xem xét về nguồn gốc đất thì thấy: Căn cứ bản đồ 299 và sổ mục kê theo bản đồ 299 thể hiện hộ gia đình ông L có 2 thửa; Thửa 98 diện tích 800 m2 loại đất thổ cư và Thửa 25 diện tích 316 m2, loại đất ao. Hộ gia đình cụ T cũng có 2 thửa; Thửa 26 diện tích 636 m2 loại đất thổ cư; Thửa 23 diện tích 323 m2 loại đất ao. Diện tích đất ao này hiện gia đình ông N đang quản lý, sử dụng và không liên quan đến diện tích ao đang tranh chấp tại thửa số 25 mà gia đình ông L đang quản lý sử dụng.

[6] Theo bản đồ 1993 phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ mục kê năm 1993 ( hoàn thành năm 2000) thể hiện thửa số 26, diện tích 636 m2 được tách làm 2 thửa. Thửa 94, diện tích 518 m2 do ông Đặng Huy N quản lý, sử dụng; Thửa số 97 diện tích 360 m2 đứng tên cụ T, tuy nhiên trong diện tích 360 m2 bao gồm cả phần ao của thửa số 25 của ông L được nhập vào. Như vậy có căn cứ xác định việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T đối với 360 m2 đất là chưa đúng với diện tích đất thực tế mà cụ T và cụ K được quyền sử dụng hợp pháp.

[7] Ông N và Ông H cho rằng ngoài thửa đất số 97, diện tích 360 m2 cụ K và cụ T còn được quyền quản lý và sử dụng 68 m2 ao tại thửa số 96 nằm sát thửa số 97. Nguồn gốc ao là do năm 1993 Nhà nước có chính sách thay đổi ruộng đất, gia đình cụ T đã bị trừ một phần diện tích đất ruộng ở ngoài đồng để đổi lấy 68 m2 đất ao như hiện nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy trong hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đều không thể hiện việc cụ K và cụ T được quyền quản lý và sử dụng diện tích ao nói trên và trên thực tế cũng chưa khi nào Cụ K và cụ T hay các con của 2 cụ quản lý, sử dụng đối với phần ao này. Bên cạnh đó theo sổ mục kê và bản đồ 299 thể hiện diện tích 68 m2 ao có nguồn gốc từ thửa số 25 đứng tên ông Đặng Đức L, theo bản đồ 1993 và sổ mục kê năm 1993 lại thể hiện diện tích ao này do UBND xã C quản lý. Ông N và Ông H cho rằng thửa đất số 96, diện tích 68 m2 ao nói trên đã được thể hiện trong bản đồ đo vẽ năm 1996 và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ T. Tuy nhiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ T thể hiện tại trang 2 của giấy chứng nhận chỉ ghi cụ Hoàng Thị T được quyền sử dụng 360 m2 đất ở lâu dài tại tờ bản đồ số 01, số thửa số 97 (Phần diện tích đất, mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng đất có sự sửa chữa, tẩy xóa), không thể hiện thông tin cụ T được sử dụng thửa số 96, diện tích

68 m2 ao như Ông H và ông N trình bầy. Xem xét trích lục bản đồ đo vẽ năm 1996 thì thấy, nằm sát thửa số 97 của cụ T là thửa số 96, diện tích 68 m2 ao, phần thông tin của thửa số 96 được ghi trong thửa số 97. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, do thửa số 96 quá nhỏ nên không thể hiện được thông tin của thửa đất, do vậy thông tin này đã phải viết vào thửa đất số 97 nhưng đã có mũi tên hướng sang thửa số 96 để thể hiện đó là thông tin của thửa số 96. Việc ghi thông tin của thửa số 96 như vậy không đồng nghĩa với việc cụ T được quyền quản lý và sử dụng 68 m2 ao như Ông H và ông N trình bầy

[8] Xác minh về việc đổi đất 03 của gia đình cụ K, cụ T, UBND xã cho biết, địa phương không thực hiện việc trừ đất 03 vào diện tích ao mà chỉ trừ vào diện tích đất thổ cư của các hộ gia đình nếu vượt quá diện tích mà Nhà nước quy định. Hộ gia đình cụ T nói riêng và các hộ dân trong xã nói chung đều không bị trừ diện tích đất 03 khi sử dụng ao. Ông H và ông N không đưa ra được căn cứ chứng minh nguồn gốc 68 m2 là do trừ ruộng 03, nên không có cơ sở xác định 68 m2 ao tại thửa số 96 thuộc quyền quản của cụ K và cụ T.

[9] Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ T không phản ánh đúng diện tích đất thực tế mà cụ T và cụ K được hưởng nên UBND huyện N đã thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ T để cấp lại cho đúng diện tích là có căn cứ.

[10] Ông N yêu cầu UBND huyện N cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T, nhưng hiện nay cụ K và cụ T đã chết, nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được cấp cho những người được hưởng thừa kế hợp pháp của cụ K và cụ T, trong khi đó các con của cụ K và cụ T chưa có hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông L đã có hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích ao tại thửa số 25 (theo bản đồ 299), diện tích 316 m2. Ông Đặng Huy N cũng có đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T và cụ K bao gồm cả phần ao của ông L, như vậy xác định phần diện tích ao vẫn còn đang tranh chấp, các bên đều chưa thống nhất được với nhau về diện tích đất. Do vậy UBND huyện N chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N là có căn cứ.

[11] Từ phân tích cho thấy yêu cầu của ông Đặng Huy N về việc buộc UBND huyện N phải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T và cụ K theo hình dạng và kích thước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Huy N về việc buộc Ủy ban nhân dân  huyện N phải cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Huy K và cụ Hoàng Thị T đối với 360 m2 đất ở và 68 m2 ao, với hình thể và kích thước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 241403 đã được UBND huyện N cấp ngày 26/6/2002.

Về án phí: Ông Đặng Huy N phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số AB/2016/0001007 ngày 02/6/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**